

Bản án số: **62/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 02/7/2024

V/v “Ly hôn giữa bà N với ông T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mịch.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 564/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Trần Thị N**, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến Cát, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** **Đặng Văn T**, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bến Cát, xã DT, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/11/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998, đồng thời có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến tháng 8/2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, ông T không lo làm ăn, không lo xây dựng gia đình và chửi mắng, ghen tuông vô cớ. Bà Trần Thị N cố gắng hàn gắn, thuyết phục nhưng không có kết quả, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Vợ chồng bà N, ông T đã sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay.

Hiện tại, bà Trần Thị N không còn tình cảm vợ chồng với ông Đặng Văn T nữa, nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn T.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thái T1, sinh ngày 12/6/2000; Đặng Thái T2, sinh ngày 22/6/2006. Các con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, ông Đặng Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với bà Trần Thị N về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bà N thường hay uống nước, nói chuyện với người khác, ông T không thuyết phục được. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không hàn gắn được, nên bà N yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Đặng Thái T1, sinh ngày 12/6/2000; Đặng Thái T2, sinh ngày 22/6/2006. Các con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự Trần Thị N, Đặng Văn T thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T

Về nuôi con chung: Có hai con chung tên là Đặng Thái T1, sinh ngày 12/6/2000; Đặng Thái T2, sinh ngày 22/6/2006. Các con chung đều đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự Trần Thị N, Đặng Văn T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà N, ông T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Trong quá trình tố tụng, Tòa án nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre đã triệu tập bà N với ông T để tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho hai bên hàn gắn, đoàn tụ gia đình, tuy nhiên không có kết quả. Bà Trần Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, đồng thời ông T cũng có nguyện vọng ly hôn với bà N, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N với ông T là rất nghiêm trọng

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, đủ cơ sở xác định đời sống vợ chồng giữa bà N với ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần tạo điều kiện cho hai bên xây dựng cuộc sống mới. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nuôi con chung: Có hai con chung tên là Đặng Thái T1, sinh ngày 12/6/2000; Đặng Thái T2, sinh ngày 22/6/2006. Các con chung đều đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị N đối với ông Đặng Văn T.

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị N với ông Đặng Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Có hai con chung tên là Đặng Thái T1, sinh ngày 12/6/2000; Đặng Thái T2, sinh ngày 22/6/2006. Các con chung đều đã thành niên, hai bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên khai thống nhất không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000641 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự bà Trần Thị N, ông Đặng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- UBND xã ĐT (Ngày 30/02/1997);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi